

## NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM HỌ CAU (ARECACEAE) Ở KHU BẢO TỒN SAO LA, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**Nguyễn Quốc Dũng**  
Viện Điều tra, Quy hoạch rừng

Liên hệ email: [dungfipi@gmail.com](mailto:dungfipi@gmail.com)

### TÓM TẮT

Bài báo trình bày công trình nghiên cứu về họ Cau (Arecaceae) tại Khu Bảo tồn Sao la, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong khuôn khổ hợp tác giữa Viện Điều tra, Quy hoạch rừng với Vườn Thực vật New York từ năm 2008 đến nay. Mục tiêu của chương trình này là nhằm đánh giá một cách hệ thống họ Cau tại các vùng phân bố trọng điểm của chúng, trong đó tập trung ở các khu rừng đặc dụng ở Việt Nam. Phương pháp khảo sát thực địa chủ yếu sử dụng theo tuyến qua các kiểu rừng trong khu vực, trong khi nghiên cứu trong phòng dùng phương pháp chính là mô tả và so sánh. Kết quả nghiên cứu đã phát hiện được 23 loài thuộc 10 chi thực vật trong họ Cau, chiếm 23% tổng số loài bản địa của họ này ở Việt Nam. Đây là lần đầu tiên các loài thực vật họ Cau được đánh giá một cách hệ thống cho Khu Bảo tồn Sao la, Thừa Thiên Huế. Trong số đó có 6 loài đặc hữu của Trường Sơn và 2 loài đặc hữu Nam Trung Hoa - Bắc Việt Nam. Trong 6 loài đặc hữu Trường Sơn, có mặt của 4 loài mới đã được công bố trong chương trình nghiên cứu họ Cau ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy thực vật họ Cau đóng vai trò quan trọng, chúng chiếm một số lượng cá thể lớn của thực vật hạ tầng và dây leo trong cấu trúc rừng tự nhiên ở Khu Bảo tồn Sao La, Thừa Thiên Huế. Nhiều loài có giá trị sử dụng và giá trị tiềm năng về mặt tài nguyên rừng. Nghiên cứu cũng khuyến nghị một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển các loài thực vật họ Cau trong khu vực nghiên cứu.

**Từ khóa:** họ Cau, khu bảo tồn Sao La, song mây, Thừa Thiên Huế

*Nhận bài:* 14/08/2017

*Hoàn thành phân biên:* 08/09/2017

*Chấp nhận đăng:* 30/09/2017

### 1. MỞ ĐẦU

Họ Cau (Arecaceae hay Palmae) là họ thực vật nhiệt đới có khoảng 250 chi gồm khoảng 2.500 loài, phân bố chủ yếu ở các nước nhiệt đới Châu Á và Châu Mỹ La Tinh (Dransfield và cs., 2008). Ở Việt Nam, các loài thực vật trong họ Cau rất thân thuộc, gắn liền với đời sống của người dân Việt Nam, từ câu chuyện “trầu, cau và vôi” ở Bắc Bộ tới những vườn dừa Nam Bộ, cùng với các vật dụng thân thuộc được làm từ các loài song mây, lá nón. Số lượng loài thuộc họ Cau trong rừng Việt Nam tuy không lớn, khoảng 100 loài (Henderson, 2009; Phạm Hoàng Hộ, 2000; Gagnepain và Conrad, 1937) không kể các loài nhập nội gây trồng, nhưng đóng vai trò rất quan trọng trong hệ sinh thái rừng, bởi số lượng cá thể vượt trội của chúng so với các họ thực vật khác trong cấu trúc rừng. Hơn nữa, nhóm song mây trong họ này còn là nguồn tài nguyên rừng quan trọng chỉ đứng sau gỗ và tre nứa. Ngoài ra, rất nhiều loài thực vật họ Cau được sử dụng hoặc có tiềm năng làm cây cảnh trên toàn quốc. Tuy nhiên, nghiên cứu họ Cau thường gặp nhiều khó khăn trong việc thu thập và bảo quản mẫu tiêu bản vì đặc điểm lá, hoa quả quá lớn hoặc có gai, nên nhiều nơi đã bỏ qua

nghiên cứu nhóm thực vật này. Hơn nữa, Khu Bảo tồn Sao la, tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi là Khu Bảo tồn Sao la) nằm ở vùng sâu xa, giáp biên giới Lào, ít được quan tâm điều tra đa dạng sinh học và thực vật họ Cau cũng chưa được chú ý nghiên cứu. Trong chương trình hợp tác giữa Viện Điều tra, Quy hoạch rừng với Vườn thực vật New York - Hoa Kỳ, đã triển khai nghiên cứu tương đối toàn diện về thành phần họ Cau tại Khu Bảo tồn Sao la. Đây là những thông tin ban đầu cung cấp thông tin cho công tác bảo tồn, nhân giống, trồng và phát triển các loài thực vật họ Cau có giá trị kinh tế.

## 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp chủ yếu sau được sử dụng để nghiên cứu về thực vật họ Cau ở Khu Bảo tồn Sao la:

- Chuẩn bị vật liệu nghiên cứu: bao gồm cùn công nghiệp 90% dùng để xử lý mẫu tiêu bản; dao, kéo cắt thân và cành; kẹp gỗ để ép tiêu bản; túi polyme lớn đựng mẫu tiêu bản; ống nhôm và máy ảnh.

- Phương pháp khảo sát thực địa: chủ yếu là điều tra theo tuyến lựa chọn điển hình có sự tham gia. Tuyến điều tra có chiều dài không xác định và được thiết kế qua nhiều dạng địa hình như núi vùng đất thấp (dưới 800 m), vùng núi thấp (trên 800 m), đồng thời phải đảm bảo qua các tiểu địa hình như chân núi, sườn núi, đỉnh đồng và đỉnh núi. Các tuyến khảo sát cũng được thiết kế qua các trạng thái rừng khác nhau như rừng phục hồi, rừng nghèo, rừng trung bình, rừng nguyên sinh và rừng trồng. Đặc biệt, khi thiết kế tuyến đã tham khảo người dân và cán bộ bảo tồn để đảm bảo tuyến đi qua khu vực phân bố chủ yếu của thực vật họ Cau. Trên tuyến, tiến hành quan sát, chụp ảnh các bộ phận của cây và sinh cảnh, ghi chép các thông tin liên quan đến tên địa phương, vị trí, phân bố, khai thác, giá trị sử dụng. Trên các tuyến điều tra này, bố trí 160 tuyến ngắn (10 m x 200 m) ở các kiểu rừng khác nhau để thống kê mật độ một số loài thường gặp.

- Phương pháp thu thập và xử lý mẫu tiêu bản: Tất cả các loài họ Cau phát hiện trong khu vực đều được thu tối thiểu 5 mẫu tiêu bản, các loài đơn tính khác gốc (hoa đực và hoa cái khác cây) sẽ thu 2 bộ mẫu riêng. Mẫu tiêu bản bao gồm bẹ lá, lá, hoa và quả (nếu có). Những loài chưa thu được mẫu hoa quả được phỏng vấn người dân và tra cứu mùa hoa quả cho những năm nghiên cứu tiếp theo. Mẫu tiêu bản được dính nhãn và ép bằng kẹp gỗ cho phẳng, rồi xử lý bằng cùn công nghiệp pha nước đảm bảo nồng độ 60% alc., cho vào túi polyme bảo quản ở thực địa, sau đó được sấy khô và bảo quản tại Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam và Vườn thực vật New York.

- Phương pháp định loại. Đối với các loài thông thường đã biết tên, có thể định loại ngay tại hiện trường bằng phương pháp quan sát và phân tích hình thái, sau đó so sánh mẫu với các mẫu chuẩn của các loài đó ở các bảo tàng trong và ngoài nước. Đối với các loài lạ (chưa xác định), tiến hành phân tích mẫu, so sánh về mặt hình thái với các loài tương tự.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Thành phần loài

Kết quả nghiên cứu thành phần loài họ Cau phân bố trong tự nhiên tại Khu Bảo tồn Sao la đã phát hiện được 23 loài, thuộc 10 chi ở Bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1.** Danh lục thực vật họ Cau ở Khu bảo tồn Sao la

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Ghi chú
1	<i>Arenga westerhoutii</i> Griff.	Đoác, Búng báng	
2	<i>Calamus bousigonii</i> Becc. subsp. <i>bousigonii</i>	Mây cun, Mây phun, Mây lá rộng	
3	<i>Calamus crispus</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	Mây tôm	Đặc hữu Trung bộ
4	<i>Calamus flagellum</i> Griff.	Mây gai, Mây trâu	
5	<i>Calamus gracilis</i> Roxb.	Mây cỏ, Mây hoa	
6	<i>Calamus nambariensis</i> Becc.	Song mật	Sách đỏ Việt Nam VU
7	<i>Calamus rhabdocladus</i> Burret	Hèo	
8	<i>Calamus walkeri</i> Hance	Mây đắng	
9	<i>Caryota maxima</i> Blume	Móc	
10	<i>Caryota sympetala</i> Gagnep.	Đùng đình	
11	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.	Mây nước gai đen, Mây nước ghé	
12	<i>Daemonorops poilanei</i> J. Dransf.	Mây nước mỡ	Đặc hữu Trung bộ
13	<i>Korthalsia lacinoso</i> (Griff.) Mart.	Mây tầm vòng, Mây rã	
14	<i>Korthalsia minor</i> Henderson & N. Q. Dung	Mây rã nhỏ	Đặc hữu Trường Sơn
15	<i>Licuala centralis</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	Lá nón Trung bộ	Đặc hữu Trung bộ
16	<i>Licuala dakrongensis</i> Henderson, N. K. Ban & B. V. Thanh	Lá nón Dakrong	Đặc hữu Trung bộ
17	<i>Licuala dasyantha</i> Burret	Lá nón	Đặc hữu Nam Trung Hoa - Bắc Việt Nam
18	<i>Livistona jenkinsiana</i> Griff.	Cọ bầu, Kè	
19	<i>Livistona saribus</i> (Lour.) Merr. ex Chev.	Cọ xẻ, Kè	
20	<i>Pinanga annamensis</i> Magalon	Cau chuột Trung bộ	Đặc hữu Trung bộ
21	<i>Plectocomia elongata</i> Mart. & Blume	Song voi trắng	
22	<i>Plectocomia pierreana</i> Becc.	Song voi gai vàng	
23	<i>Wallichia gracilis</i> Becc.	Cau Hòa Lý	Đặc hữu Nam Trung Hoa - Bắc Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài thực vật họ Cau ở Khu Bảo tồn Sao la khá đa dạng, chiếm khoảng 23% tổng số loài thực vật họ Cau phân bố tự nhiên ở Việt Nam. Tính đa dạng còn thể hiện qua số loài trong các chi, hầu hết mỗi chi chỉ có từ 1 - 2 loài, trừ chi *Calamus* có 7 loài. Riêng nhóm song mây có số lượng loài lớn nhất, là 13 loài (chiếm hơn 50% số loài họ Cau trong khu bảo tồn). Hầu hết các loài thực vật họ Cau ở đây được ghi nhận chính thức lần đầu có phân bố tự nhiên ở khu bảo tồn Sao La.

### 3.2. Đặc điểm sinh thái và phân bố

Đối với phạm vi nghiên cứu đặc điểm sinh thái của thực vật họ Cau, chương trình này chỉ nghiên cứu mật độ và vai trò của một số loài trong rừng nói chung và phân bố của chúng trong khu bảo tồn.

Họ Cau được coi là nhóm thực vật ưa khí hậu nóng, ẩm nhiệt đới (Dransfield và cs., 2008), trong khi đó Khu Bảo tồn Sao la nằm trong khu vực điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm khá điển hình với lượng mưa lên tới trên 3.000 mm/năm và hầu như không có mùa khô. Chính vì vậy, Khu Bảo tồn Sao la được coi là nơi có điều kiện thích hợp với thực vật họ Cau, được thể hiện qua số lượng loài đa dạng và tính chất phong phú của chúng trong khu vực. Nghiên cứu về vai trò sinh thái của một số loài cho thấy, các loài trong họ Cau đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc rừng, chúng có mặt hầu hết ở các tầng tán rừng và có số lượng đáng kể. Kết quả nghiên cứu dưới đây tuy chỉ mang tính tương đối nhưng phần nào thể hiện được vai trò của các loài thực vật họ Cau trong hệ sinh thái rừng.

**Bảng 2.** Mật độ một số loài họ Cau ở Khu Bảo tồn Sao la

TT	Loài	Số cây/ các tuyến	Bình quân cây/ha
1	<i>Licuala centralis</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	825	52
2	<i>Daemonorops poilanei</i> J. Dransf.	685	43
3	<i>Korthalsia laciniosa</i> (Griff.) Mart.	506	32
4	<i>Arenga westerhoutii</i> Griff.	485	30
5	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.	469	29
6	<i>Pinanga annamensis</i> Magalon	430	27
7	<i>Calamus bousigonii</i> Becc. subsp. <i>bousigonii</i>	402	25
8	<i>Calamus crispus</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	86	5
9	<i>Calamus gracilis</i> Roxb.	310	19
10	<i>Calamus nambariensis</i> Becc.	275	17
11	<i>Calamus rhabdocladus</i> Burret	392	25
12	<i>Plectocomia elongata</i> Mart. & Blume	62	4

Các loài họ cau trong khu bảo tồn có mặt ở tất cả các tầng tán rừng và chiếm số lượng đáng kể trong cấu trúc rừng. Đối với tầng cây gỗ thì họ Cau đóng góp 3 loài có kích thước lớn thường phân bố trong tầng tán chính của rừng là Đoác (*Arenga westerhoutii*) (30 cây/ha), Cọ bầu (*Livistona jenkinsiana*) và Cọ xẻ (*Livistona saribus*). Đối với thực vật ngoại tầng thì nhóm song mây đóng vai trò quan trọng khi chiếm một phần lớn số lượng cá thể. Một số loài song mây có kích thước lớn và dài, leo vượt lên khỏi tán rừng, rất dễ nhận biết từ xa như Song voi gai vàng (*Plectocomia pierreana*) (khoảng 2 cây/ha), Song voi trắng (*Plectocomia elongata*) (4 cây/ha) và Song mật (*Calamus nambariensis*) (17 cây/ha). Một số loài song mây khác cũng vươn lên cùng với tán rừng chính và chiếm một số lượng lớn cá thể trong nhóm dây leo trong khu bảo tồn như: Mây nước gai vàng (*Daemonorops poilanei*) (43 cây/ha), Mây rã (*Korthalsia laciniosa*) (32 cây/ha), Mây nước gai đen (*Daemonorops jenkinsiana*) (29 cây/ha) và Mây cun (*Calamus bousigonii*) (25 cây/ha), Hèo (*Calamus rhabdocladus*) (25 cây/ha). Đối với sinh cảnh dưới tán rừng, họ Cau có một số loài có số

lượng cá thể lớn chiếm một tỷ trọng đáng kể gồm: Lá nón Trung bộ (*Calamus centralis*) (52 cây/ha), Cau chuột (*Pinanga annamensis*) (27 cây/ha).

Nghiên cứu về nơi sống cho thấy các loài thực vật họ Cau có đặc điểm phân bố khác nhau theo đai cao. Khu Bảo tồn Sao la có độ cao địa hình từ 120 m - 1.232 m so với mực nước biển, như vậy khu vực có 2 đai cao nhiệt đới vùng thấp và á nhiệt đới núi thấp. Phân bố của thực vật họ Cau theo các đai cao này cụ thể ở bảng sau:

**Bảng 3.** Phân bố thực vật họ cau theo đai cao ở Khu Bảo tồn Sao la

Đai cao	Tên khoa học	Tên Việt Nam
800 - 1.232 m (12 loài)	<i>Calamus bousigonii</i> Becc. subsp. <i>bousigonii</i>	Mây cun
	<i>Calamus crispus</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	Mây tôm
	<i>Calamus gracilis</i> Roxb.	Mây cỏ
	<i>Calamus nambariensis</i> Becc.	Song mặt
	<i>Calamus rhabdocladus</i> Burret	Hèo
	<i>Caryota maxima</i> Blume	Móc
	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.	Mây nước gai đen
	<i>Korthalsia lacinoso</i> (Griff.) Mart.	Mây tầm vòng
	<i>Korthalsia minor</i> Henderson & N. Q. Dung	Mây rã nhỏ
	<i>Pinanga annamensis</i> Magalon	Cau chuột Trung bộ
	<i>Plectocomia elongata</i> Mart. & Blume	Song voi trắng
	<i>Plectocomia pierreana</i> Becc.	Song voi gai vàng
< 800 m (22 loài)	<i>Arenga westerhoutii</i> Griff.	Đoác
	<i>Calamus bousigonii</i> Becc. subsp. <i>bousigonii</i>	Mây cun
	<i>Calamus crispus</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	Mây tôm
	<i>Calamus flagellum</i> Griff.	Mây gai
	<i>Calamus nambariensis</i> Becc.	Song mặt
	<i>Calamus rhabdocladus</i> Burret	Hèo
	<i>Calamus walkeri</i> Hance	Mây đắng
	<i>Caryota maxima</i> Blume	Móc
	<i>Caryota sympetala</i> Gagnep.	Đùng đình
	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.	Mây nước gai đen
	<i>Daemonorops poilanei</i> J. Dransf.	Mây nước gai vàng
	<i>Korthalsia lacinoso</i> (Griff.) Mart.	Mây tầm vòng
	<i>Korthalsia minor</i> Henderson & N. Q. Dung	Mây rã nhỏ
	<i>Licuala centralis</i> Henderson, N. K. Ban & N. Q. Dung	Lá nón Trung bộ
	<i>Licuala dakrongensis</i> Henderson, N. K. Ban & B. V. Thanh	Lá nón Dakrong
	<i>Licuala dasyantha</i> Burret	Lá nón
	<i>Livistona jenkinsiana</i> Griff.	Cọ bầu, Kè
<i>Livistona saribus</i> (Lour.) Merr. ex Chev.	Cọ xè, Kè	
<i>Pinanga annamensis</i> Magalon	Cau chuột Trung bộ	
<i>Plectocomia elongata</i> Mart. & Blume	Song voi trắng	
<i>Plectocomia pierreana</i> Becc.	Song voi gai vàng	
<i>Wallichia gracilis</i> Becc.	Cau Hòa Lý	

Kết quả ở bảng trên cho thấy hầu hết các loài (22/23 loài) phân bố ở đai thấp nhiệt đới (dưới 800 m so với mực nước biển), trong đó có 10 loài chỉ phân bố ở đai này (chiếm 43,5% số loài), điều này hoàn toàn phù hợp với đặc trưng của họ Cau là một họ nhiệt đới điển hình. Đối với đai cao á nhiệt đới trên 800 m có 12 loài sinh sống, trong đó có 11 loài phân bố rộng

ở cả hai đai cao (dưới 800 m và trên 800 m), có một loài duy nhất chỉ xuất hiện ở đai cao á nhiệt đới trên 800 m là Mây cỏ (*Calamus gracilis*). Tuy nhiên, khi nghiên cứu sâu về quần thể cho thấy đa số các loài phân bố ở đai cao từ 300 m đến 1.000 m trong khu bảo tồn. Một số loài có vùng phân bố tập trung ở một đai cao nhất định nào đó, ví dụ như: 2 loài Song voi và loài Hèo thường xuất hiện tập trung ở đai cao trên 600 m, loài Mây nước gai vàng thường xuất hiện tập trung ở các đai cao dưới 500 m, ngược lại loài Mây nước gai đen thường thấy xuất hiện tập trung hơn ở độ cao trên 500 m. Hầu hết các loài thực vật họ Cau đều ưa ẩm nên chúng phân bố tập trung hơn ở các vùng ven khe suối có nước quanh năm hoặc có nước theo mùa hay các sườn núi ẩm ướt, ít thấy chúng xuất hiện trên các đỉnh núi hoặc đường đông núi.

### 3.3. Tính mới và giá trị khoa học

Đây là lần đầu tiên tính đa dạng của các loài thực vật trong họ Cau được nghiên cứu tương đối toàn diện ở Khu Bảo tồn Sao la. Hầu hết là các loài lần đầu tiên ghi nhận (21/23) cho khu hệ thực vật của khu bảo tồn. Trong Dự án đầu tư xây dựng Khu Bảo tồn Sao la có ghi nhận 5 loài thực vật họ Cau, trong số đó chỉ có một loài là Đùng đình (*Caryota sympetala*) trùng với nghiên cứu này, một loài là Mật cật (*Rhapis laosensis*) không ghi nhận trong nghiên cứu này, còn 3 loài khác là đồng danh (synonym). Trong số 23 loài ghi nhận có tới 4 loài mới được nhóm nghiên cứu mô tả cho khoa học cũng được xác nhận có vùng phân bố đầu tiên ở khu bảo tồn Sao La, đó là Mây tằm *Calamus crispus* (Henderson và cs., 52 (4), 2008), Mây rã nhỏ (*Korthalsia minor*) (Henderson và Nguyễn Quốc Dụng, 2013), Lá nón Trung bộ (*Licuala centralis*) (Henderson và cs., 52 (3), 2008) và Lá nón Dakrong (*Licuala dakrongensis*) (Henderson và cs., 2010). Mây tằm là loài dây leo dài 10 - 15 m hoặc hơn, được thu mẫu lần đầu tiên ở Vườn quốc gia Bạch Mã, chúng là loài mây có sợi màu trắng ngà, dẻo và dễ uốn nên được sử dụng làm hàng thủ công mỹ nghệ. Mây rã nhỏ được thu mẫu và mô tả là loài mới cho khoa học ở Vườn quốc gia Cát Tiên (có ghi nhận ở Lào), là loài mây có thân cứng, giòn nên ít được sử dụng. Lá nón trung bộ được thu mẫu đầu tiên để mô tả loài mới ở Vườn quốc gia Bạch Mã, chúng là loài lá nón được dùng phổ biến làm nón ở miền Trung, trong đó có nón Huế. Lá nón Dakrong lần đầu tiên được thu mẫu và mô tả ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Dakrong (Quảng Trị), là một trong những loài có kích thước lớn nhất trong các loài thuộc chi *Licuala* ở Việt Nam, chúng có hình dáng đẹp nên có tiềm năng làm cảnh.

Sau khi nghiên cứu mở rộng về họ Cau ở Việt Nam và các quốc gia láng giềng là Lào và Căm Pu Chia cho thấy toàn bộ 4 loài mới này có phạm vi phân bố tương đối hẹp, trước mắt được coi là đặc hữu Trường Sơn, trong đó loài Mây rã nhỏ có phân bố tại Lào. Khu Bảo tồn Sao la còn là nơi phân bố phổ biến của 2 loài đặc hữu Trung bộ khác là Mây nước gai vàng (*Calamus poilanei*) và Cau chuột Trung bộ (*Pinanga annamensis*). Ngoài ra, khu bảo tồn cũng là nơi sinh sống của 2 loài đặc hữu Nam Trung Hoa và Bắc Việt Nam là Lá nón (*Licuala dasyantha*) và Cau Hòa Lý (*Wallichia gracilis*), hai loài này trước đây chỉ mới được ghi nhận phân bố từ Hà Tĩnh ra Bắc và giữa ranh giới Việt - Trung (Henderson, 2009). Như vậy, yếu tố đặc hữu của thực vật họ Cau trong khu vực là rất cao với 8 loài đặc hữu, chiếm 35% tổng số loài. Đây là những loài thực vật cần có nghiên cứu đầy đủ hơn về đặc điểm sinh lý, sinh thái và vùng phân bố để có giải pháp bảo tồn phù hợp. Tại Khu Bảo tồn Sao la có loài Song mật (*Calamus nambariensis*) với tên đồng danh (synonym) là *Calamus*

*platyacanthus* được xếp ở cấp Sẽ bị đe dọa trong sách đỏ Việt Nam là cấp VU (Vulnerable - Sẽ bị đe dọa), có giá trị kinh tế cao, đang bị khai thác quá mức.

### 3.4. Giá trị tài nguyên

Họ Cau bao gồm nhiều nhóm có giá trị tài nguyên khác nhau như đan lát, làm nón, hàng thủ công mỹ nghệ sử dụng trong nước và xuất khẩu, làm cảnh, làm thực phẩm... Trong đó, nhóm song mây có giá trị kinh tế cao nhất, chúng chỉ xếp sau gỗ và tre nứa trong tài nguyên rừng Việt Nam. Khu Bảo tồn Sao la có tới 13 loài song mây, trong đó có 5 loài có giá trị thương mại cao, sử dụng làm hàng thủ công mỹ nghệ, bị khai thác và sử dụng nhiều như Mây nước gai vàng, Mây nước gai đen (được chế nhỏ để đan lát hoặc làm khung các sản phẩm), Song mật (chủ yếu làm khung các sản phẩm), Mây cỏ và Mây tôm (chủ yếu được chế nhỏ để đan lát). Lá nón trung bộ là loài được sử dụng làm nón rộng rãi nhất ở miền Trung, chúng là nguyên liệu chính cho sản phẩm nón bài thơ nổi tiếng ở cố đô Huế. Nhiều loài ăn được như: làm măng có Mây đắng, Mây nước; một số loài có thể chế biến làm rượu thông qua tri thức địa phương như Đoác, các loài Song voi (đồng bào trong khu vực gọi chung là rượu đoác rất bổ và mát vào mùa hè). Một số loài cho lá được sử dụng lợp nhà, làm áo toi như các loài cọ, các loài song mây, Lá nón Dakrong. Nhiều loài có tiềm năng làm cảnh bởi dễ trồng với hình thái thân, lá, hoa và quả đẹp như: Cau chuột Trung bộ, Lá nón Trung bộ, Lá nón Dakrong.



**Hình 1.** Lá nón Dakrong (*Licuala dakrongensis*).



**Hình 2.** Cau chuột Trung bộ (*Pinanga annamensis*).



**Hình 3.** Lá non Trung bộ (*Licuala centralis*) (sau) và Mây tôm (*Calamus crispus*). (trước)



**Hình 4.** Cau Hòa Lý (*Wallichia gracilis*).

Do có giá trị kinh tế cao, thực vật họ Cau, đặc biệt là nhóm song mây bị khai thác mạnh cho nhu cầu sử dụng tại chỗ và làm nguyên liệu sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Các loài bị khai thác nhiều nhất là Song mật, Mây nước gai vàng, Mây nước gai đen, Mây tôm và Mây đắng. Ngoài ra, đọt lá nón cũng là mục tiêu khai thác của người dân cho sử dụng và làm hàng hóa. Trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2010, các loài này bị khai thác cạn kiệt. Những năm gần đây, do công tác quản lý tốt hơn, nên chúng đã dần phục hồi trở lại.

#### **4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Kết quả nghiên cứu cho thấy Khu Bảo tồn Sao la là một trong những khu vực đa dạng hàng đầu về thành phần thực vật họ Cau ở Việt Nam. Nghiên cứu nhiều năm về họ Cau ở đây đã phát hiện 23 loài thuộc 10 chi. Hầu hết các loài thực vật họ Cau lần đầu tiên được ghi nhận cho khu bảo tồn. Trong số đó, có 3 loài đặc hữu Trung bộ, 1 loài đặc hữu cho dãy Trường Sơn (bao gồm nước bạn Lào), 2 loài đặc hữu Nam Trung Hoa - Bắc Việt Nam. Trong số các loài đặc hữu có 4 loài mới được công bố cho khoa học cùng trong chương trình nghiên cứu họ Cau của nhóm tác giả, cũng xuất hiện trong khu bảo tồn. Các loài thực vật họ Cau đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái rừng, chúng chiếm một số lượng cá thể lớn ở trong các tầng tán rừng, như tầng cây gỗ, tầng dưới tán và ngoại tầng (dây leo) trong cấu trúc rừng ở Khu Bảo tồn Sao la. Thực vật Họ Cau tại Khu Bảo tồn Sao la là nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ phong phú, có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là nhóm song mây, lá nón cung cấp nguyên liệu sử dụng làm đồ gia dụng tại chỗ và làm hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.



Kết quả nghiên cứu về phân bố đã cung cấp thông tin quan trọng cho công tác bảo tồn cũng như phát triển các loài thực vật họ Cau của ban quản lý khu bảo tồn, đặc biệt các loài đặc hữu, nguy cấp.

Tuy nhiên, thực vật họ Cau chưa thực sự được chú trọng trong công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn. Bởi vậy, để bảo tồn và phát triển thực vật họ Cau trong Khu Bảo tồn Sao la cần quan tâm tới một số giải pháp cụ thể như: (1) nghiên cứu đặc điểm sinh lý, sinh thái và vùng phân bố của các loài đặc hữu trong họ Cau làm cơ sở bảo tồn và phát triển; (2) nghiên cứu gây trồng và phát triển các loài song mây có giá trị kinh tế cao, cung cấp nguyên liệu cho hàng thủ công mỹ nghệ sử dụng trong nước và xuất khẩu; đồng thời nghiên cứu gây trồng một số loài có tiềm năng làm cảnh trong khu vực và nhân rộng trong toàn quốc; (3) đưa các loài thực vật họ Cau, đặc biệt là các loài đặc hữu, loài bị đe dọa vào trong các chương trình và kế hoạch bảo tồn của Khu Bảo tồn Sao la.

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin chân thành cảm ơn các nhà tài trợ chính cho chương trình là Hiệp hội Cau dừa thế giới (IPS), Quỹ Khoa học quốc gia Hoa Kỳ, Hiệp hội Địa lý quốc gia Hoa Kỳ, Chương trình học bổng Fulbright Hoa Kỳ và Quỹ John D. & Catherine T. MacArthur; xin cảm ơn sự giúp đỡ của Tiến sĩ Andrew Henderson đến từ Vườn thực vật New York; đặc biệt, xin cảm ơn sâu sắc tập thể Ban quản lý khu bảo tồn Sao La và người dân vùng đệm đã giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu họ Cau tại khu vực.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Tài liệu tiếng Việt

Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ, (2007). *Sách đỏ Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

Phạm Hoàng Hộ, (1999). *Cây cỏ Việt Nam, quyển III*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

### 2. Tài liệu tiếng nước ngoài

Dransfield, J., Natalie W. Uhl, Comy B. Asumssen, William J. Baker, Madeline M. Harley and Carl E. Lewis, (2008). *Genera Palmarum the evolution and classification of Palms*. Kew Publishing, Royal Botanic Garden, Kew.

Gagnepain et Conrad, (1937). *Flore générale de L'Indochine: Palmier*. Tome VI, Paris, Mason.

Henderson, A., (2009). *A Field Guide to the Palms of Southern Asia*. Princeton University Press.

Henderson, A., Ninh Khắc Ban and Nguyen Quoc Dung, (2008). New species of Licuala (Palmae) from Vietnam. *Palms*, 52(3): 141-154.

Henderson, A., Ninh Khắc Ban and Nguyen Quoc Dung, (2008). New species of Calamus (Palmae) from Vietnam. *Palms*, 52(4): 187-197.

Henderson, A. & Nguyen Quoc Dung, (2013). A New Species of Korthalsia (Palmae) from Laos and Vietnam. *Palms*, 57(3): 150-154.

Henderson, A. Ninh Khắc Ban and Bui Van Thanh, (2010). New species of Areca, Pinanga and Licuala (Arecaceae) from Vietnam. *Phytotaxa*, 8: 34-40.

## STUDY ON ARECACEAE IN SAO LA, THUA THIEN HUE CONSERVATION AREA

**Nguyen Quoc Dung**

Forest Inventory and Planning Institute

Contact email: [dungfipi@gmail.com](mailto:dungfipi@gmail.com)

### ABSTRACT

This article presents the results of studies on Palm (Arecaceae) in Sao la, Thua Thien Hue Conservation Area, under the collaborative program between New York Botanic Garden (USA) and Forest Inventory and Planning Institute (Vietnam) from 2008 up to now. The objective of the program is to systematically assess the Palms in their key distributed areas, concentrating on Palms in Protected Areas in Vietnam. Transect lines through many forest types are the main method used for field survey, and description and comparison are the main methods used for the indoor study. There are 23 species recorded in Sao la, Thua Thien Hue Conservation Area belonging to 10 genera, about 23% of the total native species of palm in Vietnam. Among of them, 6 species are endemic to Central Annamite and 2 species are endemic to South China and North Vietnam. Four of 6 endemic species described as new species to science by Arecaceae studies in Vietnam are also recorded in Sao la Conservation Area. The results of study show that the palms are important plants with a large number of timber storeys, under storeys and climbing plants in the natural forest structure in Sao la, Thua Thien Hue Conservation Area. Many species are high values or potential values as forest resources.

**Key words:** Arecaceae, Palms, Sao la Conservation Area, Thua Thien Hue.

*Received:* 14<sup>th</sup> August 2017

*Reviewed:* 8<sup>th</sup> September 2017

*Accepted:* 30<sup>th</sup> September 2017